

BỘ ĐỀ THI GIỮA KỲ 2 MÔN TOÁN LỚP 1

ĐỀ SỐ 1

Bài 1: Điền số thích hợp vào chỗ chấm (1đ)

20;.....;.....; 23;.....;.....;.....;.....; 28;.....;.....;

31;.....;.....;.....;35;.....;.....;.....;.....;.....;.....; 42

Bài 2: Viết số (theo mẫu) (1 đ)

a) Hai mươi lăm: 25

Năm mươi:.....

Ba mươi hai :....

Sáu mươi sáu:.....

b) 49: bốn chín

55.....

21.....

73.....

Bài 3: Đặt tính rồi tính (2đ)

$$20 + 30$$

$$40 + 50$$

$$80 - 40$$

$$17 - 5$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 4: Tính (2đ)

$$20 + 50 =$$

$$10 + 20 + 30 =$$

$$40 \text{ cm} + 40 \text{ cm} =$$

$$70 - 30 =$$

$$90 - 30 + 20 =$$

$$80 \text{ cm} - 60 \text{ cm} =$$

Bài 5: Điền dấu >, <, = ? (2đ)

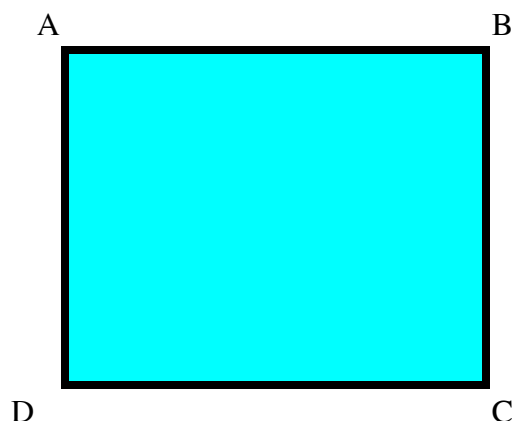
$$80 \dots 60$$

$$50 - 20 \dots 30$$

$$70 - 20 \dots 40$$

$$60 \dots 30 + 20$$

Bài 6: Vẽ 3 điểm ở trong hình vuông, vẽ 2 điểm ở ngoài hình vuông .(0,5đ)



[illegible]

ĐỀ SỐ 2

Bài 1. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống

- a) ☐ Số liền trước số 13 là 12
b) ☐ Số liền sau số 21 là 20
c) ☐ 87 gồm có 8 chục và 7 đơn vị
d) ☐ $16 < 10 + 5$
e) ☐ Số 25 đọc là “Hai mươi lăm”
g) ☐ $23 \text{ cm} + 12 \text{ cm} = 35 \text{ cm}$

Bài 2. Đặt tính rồi tính

$24 + 15$

$10 + 9$

$12 - 2$

$90 - 40$

Bài 3. Tính nhẩm

$11 + 3 - 4 = \dots\dots\dots$

$15 - 2 + 3 = \dots\dots\dots$

$17 - 5 - 1 = \dots\dots\dots$

$19 - 6 + 6 = \dots\dots\dots$

$30 \text{ cm} - 20 \text{ cm} = \dots\dots\dots$

$12 \text{ cm} + 6 \text{ cm} = \dots\dots\dots$

Bài 4. Hồng có 16 que tính, Hồng được bạn cho thêm 2 que tính. Hỏi Hồng có bao nhiêu que tính?

Bài 5. Hãy vẽ một đoạn thẳng dài 4 cm rồi đặt tên cho đoạn thẳng đó.



Bài 6. Hãy viết một số có hai chữ số sao cho chữ số hàng chục lớn hơn chữ số hàng đơn vị là 9.



ĐỀ SỐ 3

Bài 1: Tính:

a.
$$\begin{array}{r} 40 \\ + \\ \hline 30 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 80 \\ - \\ \hline 40 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 19 \\ - \\ \hline 6 \end{array}$$

b. $13 + 2 - 3 = \dots\dots\dots$

$30 + 20 - 10 = \dots\dots\dots$

Bài 2: Đa số

+ 19:

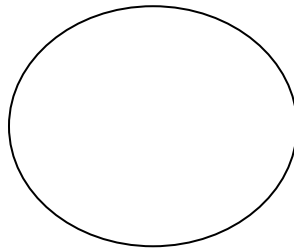
+ Mười một:

+ 70:

+ Mười chín:.....

Bài 3: Vẽ hai điểm ở trong đường tròn.

Vẽ ba điểm ở ngoài đường tròn



Bài 4: Điền dấu thích hợp (< , > , =) vào ô trống □

$20 - 20 \square 10$

$18\text{cm} - 2\text{cm} \square 15\text{cm}$

$13 + 6 \square 19$

$10\text{cm} + 20\text{cm} \square 40\text{cm}$

Bài 5: Trong vườn nhà Nam trồng 20 cây bưởi và 30 cây cam. Hỏi trong vườn nhà Nam trồng được tất cả bao nhiêu cây?

Bài 6: Điền +, - ?

$50 \dots\dots 20 = 30$

$30 \dots\dots 10 = 40$

1

Bài 1 : Tính nhẩm :

$$17\text{cm} + 2\text{cm} = \dots$$

$$6 + 12 - 5 = \dots$$

$$12 + 4 - 5 = ..$$

$$17 - 3 - 2 =$$

$$15 - 5 + 8 = \dots$$

$$13 + 5 - 7 = \dots$$

$$18 - 4 - 3 = \dots$$

$12 + 4 + 3 =$

Bài 2 Nói theo mẫu :

$$\underline{13 + 5}$$

17

16 - 4

19 - 6

18

17 - 3

$$\underline{13 + 6}$$

19

$$15 + 2$$

14

Bài 3 Điền vào ô trống

12 $\xrightarrow{+5}$ $\square$ $\xrightarrow{-7}$ $\square$

19 $- 8 \rightarrow$ $+ 3 \rightarrow$

Bài 4: Lan có 30 nhãn vở, mẹ mua thêm cho Lan thêm 2 chục nhãn vở nữa Hỏi Lan có tất cả bao nhiêu nhãn vở?

Tóm tắt

Giải

[illegible]

Bài 6: Điền số thích hợp vào ô trống

$$12 + 3 = 19 - \square$$

$$5 - 4 > \square - 8$$

$$15 - 3 = \square + 10$$

$$13 + \square < 17 - 4$$

ĐỀ SỐ 5

A. Phần Trắc nghiệm khách quan:

Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng:

Câu 1: Số 12 gồm mấy chục và mấy đơn vị:

- | | |
|-----------------------|-----------|
| A. 1 chục và 2 đơn vị | C. 1 và 2 |
| B. 2 chục và 1 đơn vị | D. 2 và 1 |

Câu 2: $14\text{ cm} + 5\text{ cm} = ?$

- | | | | |
|----------|----------|-------|------|
| A. 18 cm | B. 19 cm | C. 19 | D. 1 |
|----------|----------|-------|------|

Câu 3: Dưới ao có 5 con vịt, trên bờ có 3 con vịt. Hỏi tất cả có mấy con vịt?

- | | | | |
|----------|----------|----------|----------|
| A. 2 con | B. 6 con | C. 8 con | D. 9 con |
|----------|----------|----------|----------|

Câu 4: Số liền sau của số 14 là số nào?

- | | | | |
|-------|-------|-------|-------|
| A. 16 | B. 12 | C. 15 | D. 13 |
|-------|-------|-------|-------|

Câu 5: Trong các số : 70, 40, 20, 50, 30, số bé nhất là :

- | | | | |
|-------|-------|-------|-------|
| A, 70 | B, 40 | C, 30 | D, 20 |
|-------|-------|-------|-------|

Câu 6: $10 - 4 - 3 = ?$

- | | | | |
|------|------|------|------|
| A. 6 | B. 2 | C. 3 | D. 5 |
|------|------|------|------|

Câu 7: $6 + 2 - 5 = ?$

- | | | | |
|------|------|-------|------|
| A. 3 | B. 8 | C. 10 | D. 4 |
|------|------|-------|------|

Câu 8: $10 = 6 +$

- | | | | |
|------|------|------|------|
| A. 7 | B. 6 | C. 5 | D. 4 |
|------|------|------|------|

Câu 9: Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm? $16 - 4 11$

- | | | |
|------|------|------|
| A. > | B. < | C. = |
|------|------|------|

Câu 10: Lan hái được 20 bông hoa, Mai hái được 10 bông hoa. Hỏi cả hai bạn hái được bao nhiêu bông hoa ?

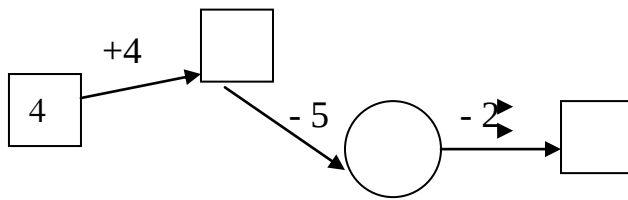
- | | | | |
|------------|------------|------------|------------|
| A, 20 bông | B, 30 bông | C, 40 bông | D, 10 bông |
|------------|------------|------------|------------|

II. Phần II: Tự luận (5đ).

—

$$8 + 2 - 5 = \dots\dots\dots$$

▶



Câu 3: Xếp các số sau đây theo thứ tự từ lớn đến bé: 9, 10, 7, 14, 12.

[illegible]

CÂU 4 : Lớp 1A vẽ được 20 bức tranh , lớp 1B vẽ được 30 bức tranh . Hỏi cả 2 lớp vẽ được bao nhiêu bức tranh ?

Bài giải

[illegible]

ĐỀ SỐ 6

Phần 1: Trắc nghiệm (3 điểm)

Bài 1: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

a) Số 60 gồm 6 chục và 0 đơn vị.

☐

b) Số 74 gồm 4 chục và 7 đơn vị.

☐

c) Số liền trước của 19 là 20.

☐

d) Số liền sau của 19 là 20.

☐

e) $19 \text{ cm} - 7 \text{ cm} = 12 \text{ cm}$.

☐

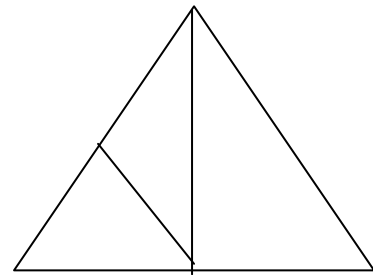
f) $10 \text{ cm} + 8 \text{ cm} = 9 \text{ cm}$.

☐

g) Hình bên có 5 hình tam giác.

☐

h) Hình bên có 4 hình tam giác.

☐

Bài 2: Khoanh vào số bé nhất:

a) 76, 28, 90, 50

b) 46, 99, 70, 31

Bài 3: Khoanh vào số lớn nhất:

a) 54, 39, 40, 72

b) 88, 60, 59, 77

phần II: tự luận (7 điểm)

Bài 1: a) Tính: (1 đ)

$$12 + 6 = \dots\dots$$

$$40 + 30 - 60 = \dots\dots$$

$$18 - 4 = \dots\dots$$

$$90 - 60 + 20 = \dots\dots$$

b) Đặt tính rồi tính: (1 đ)

$$13 + 6$$

$$17 - 7$$

$$50 + 20$$

$$90 - 70$$

Bài 2: (1 đ) Viết các số : 34 , 27 , 92 , 50.

a) Theo thứ tự từ bé đến lớn:

b) Theo thứ tự từ lớn đến bé:

Bài 3: (1 đ) Điền dấu <, >, = vào chỗ chấm:

$$66 \dots 71$$

$$58 \dots 57$$

$$49 \dots 59$$

$$99 \dots 99$$

Bài 4: (1 đ) Viết các số :

Hai mươi bảy:

Bảy mươi lăm :

Một trăm:

Chín mươi chín:

Bài 5: Hoa có 30 cái nhãn vở, mẹ mua thêm cho Hoa 10 cái nhãn vở nữa. Hỏi Hoa có tất cả bao nhiêu nhãn vở?

(Điền số vào tóm tắt rồi giải bài toán)

Tóm tắt

Có : nhãn vở

Thêm: nhãn vở

Có tất cả: nhãn vở?



ĐỀ SỐ 7

Bài 1: (2,5 điểm) Tính:

a) $17 - 5 = \dots$ $17 - 2 = \dots$ $15 - 3 = \dots$
 $18 - 7 = \dots$ $19 - 2 - 5 = \dots$ $16 - 2 + 1 = \dots$

b)
$$\begin{array}{r} 50 \\ + \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 70 \\ + \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 80 \\ - \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 60 \\ - \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 20 \\ - \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 20 \\ - \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 40 \\ - \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 10 \\ - \\ \hline \end{array}$$

.....

Bài 2:(1,5 điểm) Tính:

a) $60 \text{ cm} + 10 \text{ cm} = \dots$ b) $20 \text{ cm} + 20 \text{ cm} + 20 \text{ cm} = \dots$
 $90 \text{ cm} - 50 \text{ cm} = \dots$ $70 \text{ cm} - 50 \text{ cm} - 10 \text{ cm} = \dots$

Bài 3: (1,5 điểm)(<, >, =) ?

a) $50 \dots 60$ $90 \dots 80$ b) $40 - 10 \dots 50 - 20$ $10 + 30 \dots 70 - 20$

Bài 4: (1,5 điểm) Dựa vào hình bên em hãy:

- a) Vẽ và đặt tên hai điểm ở trong hình chữ nhật .
b) Vẽ và đặt tên hai điểm ở ngoài hình chữ nhật .
c) Vẽ thêm một đoạn thẳng để được hai hình tam giác.



Bài 5: (1điểm)

Đàn vịt có 13 con ở dưới ao và 5 con ở trên bờ. Hỏi đàn vịt đó có tất cả mấy con?

Bài giải



Bài 6: (1điểm)

Tâm có 15 quả bóng , Nam có ít hơn Tâm 4 quả bóng . Hỏi Nam có bao nhiêu quả bóng ?

Bài giải

-



Bài 7:Số ? (1 điểm)

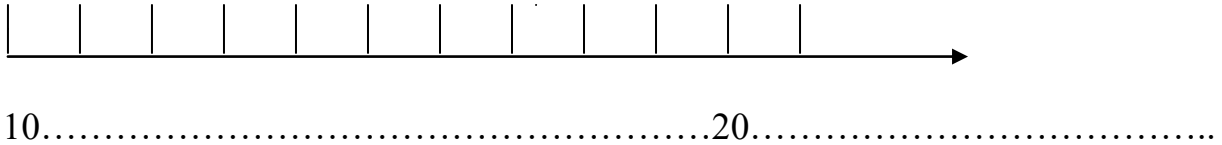
	+		=	50
--	---	--	---	----

	-		=	10
--	---	--	---	----

ĐỀ SỐ 8

Bài 1: (1,5 điểm)

a. Điền số vào dưới mỗi vạch của tia số (1 điểm)



b. Đọc số, viết số

Mười chín:; 50:

Bài 2: Đặt tính rồi tính (1 điểm)

$18 - 3$

$13 + 6$

$19 - 4$

$12 + 5$

.....
.....
.....

Bài 3: Đúng ghi Đ sai ghi S (1 điểm)

a. $70 \text{ cm} - 30 \text{ cm} = 40 \text{ cm}$

c. $70 < 60$

b. $70 \text{ cm} - 30 \text{ cm} = 40$

d. $30 + 40 > 50$

Bài 4: Viết số thích hợp vào chỗ trống : (1 điểm)

a. Số liền trước của 73 là.....

b. Số liền sau của 20 là.....

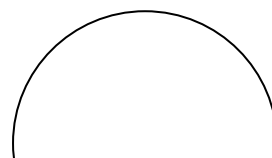
Bài 5: (2điểm)

+	$40 \dots\dots 10 = 30$
-	$70 \dots\dots 0 = 70$

$50 \dots\dots 30 = 80$

$90 \dots\dots 40 = 50$

Bài 6: Vẽ 3 điểm ở trong hình tròn (1,5 điểm)



Bài 7: Giải bài toán theo tóm tắt sau:

Tóm tắt

Có : 15 cây hoa

Trồng thêm: 4 cây

Có tất cả:cây hoa?

Bài giải

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100	101	102	103	104	105	106	107	108	109	110	111	112	113	114	115	116	117	118	119	120	121	122	123	124	125	126	127	128	129	130	131	132	133	134	135	136	137	138	139	140	141	142	143	144	145	146	147	148	149	150	151	152	153	154	155	156	157	158	159	160	161	162	163	164	165	166	167	168	169	170	171	172	173	174	175	176	177	178	179	180	181	182	183	184	185	186	187	188	189	190	191	192	193	194	195	196	197	198	199	200	201	202	203	204	205	206	207	208	209	210	211	212	213	214	215	216	217	218	219	220	221	222	223	224	225	226	227	228	229	230	231	232	233	234	235	236	237	238	239	240	241	242	243	244	245	246	247	248	249	250	251	252	253	254	255	256	257	258	259	260	261	262	263	264	265	266	267	268	269	270	271	272	273	274	275	276	277	278	279	280	281	282	283	284	285	286	287	288	289	290	291	292	293	294	295	296	297	298	299	300	301	302	303	304	305	306	307	308	309	310	311	312	313	314	315	316	317	318	319	320	321	322	323	324	325	326	327	328	329	330	331	332	333	334	335	336	337	338	339	340	341	342	343	344	345	346	347	348	349	350	351	352	353	354	355	356	357	358	359	360	361	362	363	364	365	366	367	368	369	370	371	372	373	374	375	376	377	378	379	380	381	382	383	384	385	386	387	388	389	390	391	392	393	394	395	396	397	398	399	400	401	402	403	404	405	406	407	408	409	410	411	412	413	414	415	416	417	418	419	420	421	422	423	424	425	426	427	428	429	430	431	432	433	434	435	436	437	438	439	440	441	442	443	444	445	446	447	448	449	450	451	452	453	454	455	456	457	458	459	460	461	462	463	464	465	466	467	468	469	470	471	472	473	474	475	476	477	478	479	480	481	482	483	484	485	486	487	488	489	490	491	492	493	494	495	496	497	498	499	500	501	502	503	504	505	506	507	508	509	510	511	512	513	514	515	516	517	518	519	520	521	522	523	524	5
---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	---

Bài 8: Một cửa hàng có 30 xe máy, đã bán 10 xe máy. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu xe máy (1 điểm)

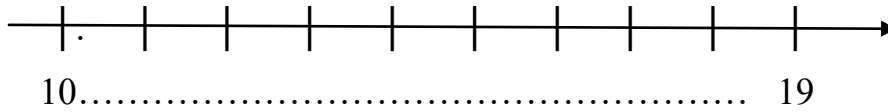
Bài giải

[illegible]

ĐỀ SỐ 9

Bài 1 (2 điểm)

a. Điền số vào dưới mỗi vạch của tia số



b. Viết các số

Mười bốn

Chín mươi

Mười tám.....

Sáu mươi

Ba mươi

Mười chín

Bảy mươi

Mười hai

c. Viết các số : 9, 5, 14, 17

+ Theo thứ tự từ bé đến lớn

+ Theo thứ tự từ lớn đến bé

Bài 2: Tính :(2 điểm)

a. 90 40

- +

50 40

— —

.

b. 17 16

- -

5 6

— —

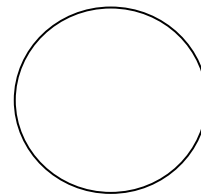
.

c. $12\text{cm} + 5\text{cm} =$

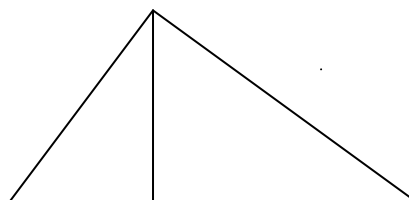
d. $16 + 3 - 5 =$

Bài 3 : (2 điểm)

a. Vẽ 2 điểm trong hình tròn và 3 điểm ngoài hình tròn



b. Ở hình vẽ bên có :



a/ 2 hình tam giác

b/ 3 hình tam giác _____

Bài 4 : Viết tiếp vào bài giải (2điểm)

a. Thùng thứ nhất đựng 30 gói bánh . Thùng thứ hai đựng 20 gói bánh .

Hỏi cả hai thùng đựng bao nhiêu gói bánh ?

Bài giải

Số gói bánh cả hai thùng có là

.....

ĐS:

b.Trên tường có 14 bức tranh ,người ta treo thêm 4 bức tranh nữa .Hỏi trên tường có tất cả bao nhiêu bức tranh?

Bài giải



Bài 5 : Điền dấu (<,>=) vào ô trống(1điểm)

$$14 - 4 \square 13$$

$$12 \square 14 - 2$$

$$15 - 5 \square 15 - 4$$

Bài 6 : Số ?(1 điểm)

	+		=	13
--	---	--	---	----

	-		=	5
--	---	--	---	---

ĐỀ SỐ 10

Bài 1: (3 điểm)

a) Điền số vào chỗ chấm: (1 điểm)

20;; 40;; 60;; 80;

b) Viết các số vào chỗ chấm: (1 điểm)

Mười bốn:

Mười chín:

Chín mươi:

Ba mươi:

c) Khoanh tròn vào số lớn nhất: (0,5 điểm)

10 ; 7 ; 14 ; 9 ; 5.

d) Khoanh tròn vào số bé nhất: (0,5 điểm)

8 ; 20 ; 17 ; 5 ; 19 .

Bài 2: Tính (2 điểm)

a)
$$\begin{array}{r} 14 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 19 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$$

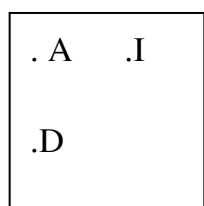
$$18 - 8 =$$

$$12 + 7 =$$

b) $12 + 5 - 4 =$

$$19\text{cm} - 7\text{cm} + 4\text{cm} =$$

Bài 3: Đúng ghi Đ, sai ghi S (1 điểm)



Điểm A ở trong hình vuông

☐

Điểm B ở ngoài hình vuông

☐

Điểm C ở trong hình vuông

☐

Điểm D ở ngoài hình vuông

☐

Điểm I ở trong hình vuông

☐

Bài 4: (2 điểm)

Một hộp bút có 12 bút xanh và 3 bút đỏ. Hỏi hộp đó có tất cả bao nhiêu cây bút ?

Bài giải

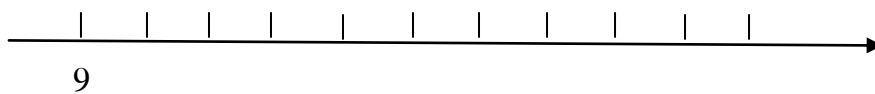


Bài 5: Vẽ đoạn thẳng AB dài 7cm.



Bài 6:

a) Điền số thích hợp vào dưới mỗi vạch của tia số.



b) Điền số và phép tính vào ô trống để được phép tính đúng.

			=	50
--	--	--	---	----

ĐỀ SỐ 11

Bài 1. (2 điểm)

a) Viết theo mẫu :

viết số	đọc số
20	hai mươi
50	
80	

đọc số	viết số
Sáu mươi	60
Chín mươi	
Sáu chục	

b) Điền dấu < ; > ; = vào chỗ chấm :

$$25 - 5 \dots\dots 10 + 10$$

$$90 - 30 \dots\dots 10 + 30$$

Bài 2. (2 điểm) Đặt tính rồi tính :

$$80 - 30$$

$$20 + 30$$

$$14 + 3$$

$$19 - 6$$



Bài 3. (2 điểm) Tính :

$$80 - 40 + 30 = \dots\dots\dots$$

$$60 \text{ cm} - 30 \text{ cm} = \dots\dots\dots$$

$$50 + 30 - 20 = \dots\dots\dots$$

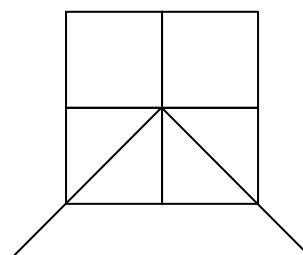
$$30 \text{ con cá} - 20 \text{ con cá} = \dots\dots\dots$$

Bài 4. (1,5 điểm) Lan gấp được một chục chiếc thuyền, Hùng gấp được 30 cái. Hỏi cả hai bạn gấp được bao nhiêu chiếc thuyền ?



Bài 5. (1 điểm) Hình vẽ bên có :

a) Có hình tam giác

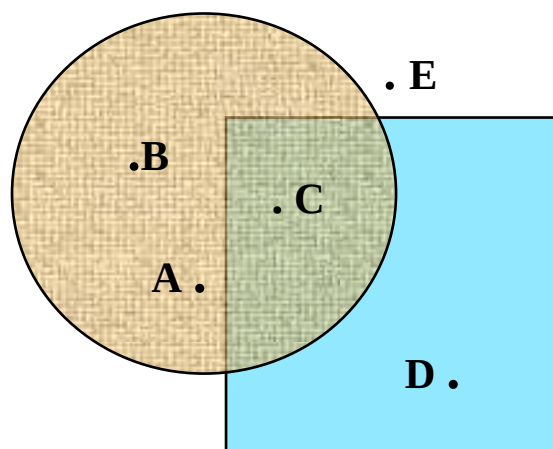


b) Cóvuông

Bài 6 (1,5điểm)

a) Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống

- ☐ Điểm **C** nằm trong hình vuông.
- ☐ Điểm **B** nằm ngoài hình vuông.
- ☐ Điểm **A** nằm trong hình tròn.
- ☐ Điểm **C** nằm ngoài hình vuông.



b) Điền vào chỗ chấm :

Điểm nằm trong hình tròn là :

Điểm nằm trong hình vuông là :

• **A**

- a) Các điểm ở trong hình vuông
- b) Các điểm ở ngoài hình vuông

ĐỀ SỐ 13

Bài 1. (2,5điểm) Điền số thích hợp vào chỗ chấm :

- Số liền trước của 10 là
- Số liền sau của 14 là
- Số liền trước của 19 là
- Số liền sau của 19 là

- Số 13 gồmchục.....đơn vị.
- Số 56 gồmchục.....đơn vị.
- Số 40 gồmchục.....đơn vị.

Bài 2. (2điểm) Tính :

$$12 + 1 + 5 = \dots\dots$$

$$18\text{cm} - 2\text{cm} + 3\text{cm} = \dots\dots\dots$$

$$17 - 3 + 5 = \dots\dots$$

$$15\text{cm} + 0\text{cm} = \dots\dots\dots$$

Bài 3. (1điểm) Đặt tính rồi tính :

$$15 + 3$$

$$12 + 4$$

$$18 - 5$$

$$19 - 7$$

Bài 4. (1điểm) Điền dấu (+) hoặc (-) vào chỗ chấm :

$$30 \dots 50 = 80$$

$$60 \dots 20 = 40$$

$$50 \dots 20 = 30$$

$$60 \dots 30 = 90$$

Bài 5. (1,5điểm) Có 40 con gà mái và một chục con gà trống. Hỏi có tất cả bao nhiêu con gà ?

Bài giải

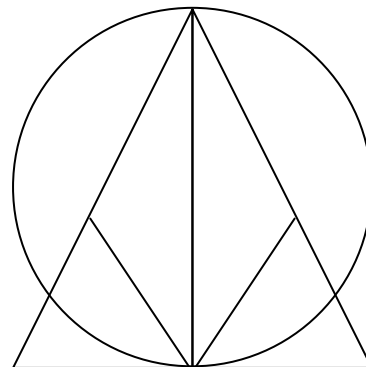
Bài 6. (1điểm)

- a) Vẽ đoạn thẳng có độ dài 9 cm.

.....
b) Các số : **16, 30, 48, 29** được xếp theo thứ tự từ lớn đến bé là :
.....

Bài 7. (1điểm)

- a) Hình vẽ bên có hình tam giác
- b) Vẽ một điểm A nằm trong hình tròn và nằm ngoài hình tam giác.
- c) Vẽ một điểm B nằm trong cả hình tròn và hình tam giác.



ĐỀ SỐ 14

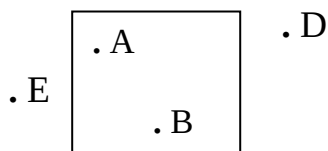
I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN:

Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng cho mỗi câu hỏi dưới đây:

Câu 1:

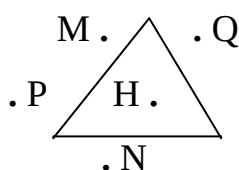
a. Có mấy điểm ở trong hình vuông ?

- A. 2
- B. 3
- C. 4



b. Có mấy điểm ở ngoài hình tam giác ?

- A. 3
- B. 4
- C. 5



Câu 2: Trong phép tính sau, phép tính nào đúng ?

- a,**
- A. $40\text{cm} - 10\text{cm} = 30$
 - B. $40\text{cm} - 10\text{cm} = 30\text{cm}$
 - C. $40\text{cm} - 10\text{cm} = 20\text{ cm}$
- b,**
- A. $40 - 30 = 20$
 - B. $30 + 40 = 80$
 - C. $40 + 30 = 70$

Câu 3: Kết quả của phép tính đúng là ?

a, $90 - 50 = \dots$

- A. 30
- B. 40
- C. 50

b, $30 + 20 = \dots$

- A. 50
- B. 60
- C. 70

II. TỰ LUẬN:

ĐỀ SỐ 15

A . PHẦN TRẮC NGHIỆM: (4 điểm)

Khoanh tròn chữ đặt trước câu trả lời đúng

Câu 1: Trong các số 37, 56 ,71, 60 , 26 số lớn nhất là:

- a. 56 b. 71 c. 60

Câu 2: Số liền sau số 79 là:

- a. 78 b. 80 c. 81

Câu 3: Số 26 gồm:

- a. 2 chục và 6 đơn vị b. 6 chục và 2 đơn vị c. 2 và 6

Câu 4: Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm? $18 - 5 \dots\dots\dots 12$

- a. $>$ b. $<$ c. $=$

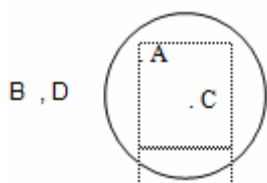
Câu 5: Điền số vào chỗ chấm? $16 = 11 + \dots\dots\dots$

- a.7 b.6 c.5

Câu 6: Bốn mươi hai viết là;

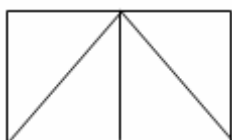
1. 24 b, 42 c. 402

Câu 7: Các điểm ở trong hình tròn là:



- a. Điểm A và điểm C
b. Điểm A và điểm B
c. Điểm B và điểm D

Câu 8: Hình vẽ bên có bao nhiêu hình tam giác:



- a. 4 hình tam giác
b. 5 hình tam giác
c. 6 hình tam giác

B. PHẦN TỰ LUẬN: (6 điểm)

—

a) $10 + 3 + 1 = \dots\dots\dots$

b) $60 - 20 = \dots\dots\dots$

c) $14 \text{ cm} + 1 \text{ cm} = \dots\dots\dots$

d) $15 \text{ cm} - 2 \text{ cm} = \dots\dots\dots$

Câu 2 : Đặt tính rồi tính

a) $15 + 3$

b) $80 - 50$

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100	101	102	103	104	105	106	107	108	109	110	111	112	113	114	115	116	117	118	119	120	121	122	123	124	125	126	127	128	129	130	131	132	133	134	135	136	137	138	139	140	141	142	143	144	145	146	147	148	149	150	151	152	153	154	155	156	157	158	159	160	161	162	163	164	165	166	167	168	169	170	171	172	173	174	175	176	177	178	179	180	181	182	183	184	185	186	187	188	189	190	191	192	193	194	195	196	197	198	199	200	201	202	203	204	205	206	207	208	209	210	211	212	213	214	215	216	217	218	219	220	221	222	223	224	225	226	227	228	229	230	231	232	233	234	235	236	237	238	239	240	241	242	243	244	245	246	247	248	249	250	251	252	253	254	255	256	257	258	259	260	261	262	263	264	265	266	267	268	269	270	271	272	273	274	275	276	277	278	279	280	281	282	283	284	285	286	287	288	289	290	291	292	293	294	295	296	297	298	299	300	301	302	303	304	305	306	307	308	309	310	311	312	313	314	315	316	317	318	319	320	321	322	323	324	325	326	327	328	329	330	331	332	333	334	335	336	337	338	339	340	341	342	343	344	345	346	347	348	349	350	351	352	353	354	355	356	357	358	359	360	361	362	363	364	365	366	367	368	369	370	371	372	373	374	375	376	377	378	379	380	381	382	383	384	385	386	387	388	389	390	391	392	393	394	395	396	397	398	399	400	401	402	403	404	405	406	407	408	409	410	411	412	413	414	415	416	417	418	419	420	421	422	423	424	425	426	427	428	429	430	431	432	433	434	435	436	437	438	439	440	441	442	443	444	445	446	447	448	449	450	451	452	453	454	455	456	457	458	459	460	461	462	463	464	465	466	467	468	469	470	471	472	473	474	475	476	477	478	479	480	481	482	483	484	485	486	487	488	489	490	491	492	493	494	495	496	497	498	499	500	501	502	503	504	505	506	507	508	509	510	511	512	513	514	515	516	517	518	519	520	521	522	523	52
--	---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	----

Câu 3 : Điền dấu $>$, $<$, $=$ vào chỗ trống

a) $16 + 2 \dots\dots 17$

b) 50 70

Câu 4: Vẽ đoạn thẳng AB dài 6 cm

[illegible]

Câu 5: Rổ thứ nhất có 15 quả lê, rổ thứ hai có 4 quả lê. Hỏi cả hai rổ có tất cả bao nhiêu quả lê?

A full-page view of a blank sheet of graph paper. The grid consists of light blue horizontal lines and vertical lines that are colored alternately in light red and light green. There are no margins or text on the page.